

TRỤC 2 ĐẦU BẬC CÓ 2 ĐẦU REN NGOÀI VÀ RÃNH SIẾT CỜ LÊ

BOTH ENDS STEPPED SHAFT - BOTH ENDS MALE THREAD – WRENCH FLATS



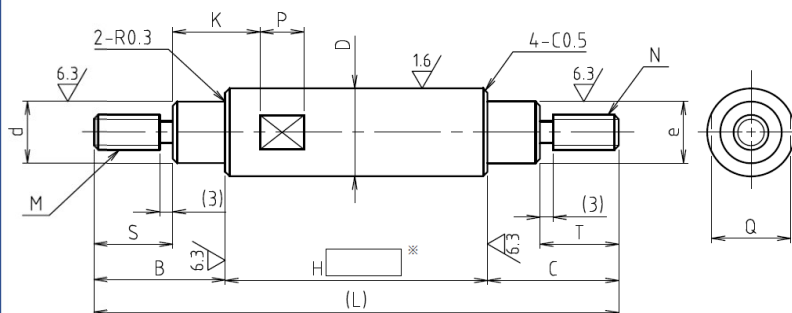
Mã đặt hàng/Order

Mã Loại Type code	- D	- H	- d	- B	- e	- C	- M	- S	- N	- T	- K	-
												A
												B
												C

EX: TMWP - D25 - H300 - d20 - B30 - e20 - C30 - M8 - S20 - N8 - T20 - K30 - A



Thông số kích thước có thể tùy chỉnh
Dimensions can be customized



Loại Type	Vật liệu Materials	Độ cứng Hardness	Xử lý bề mặt Surface Treatment
TMWP	T.Đương SUJ2 SUJ2 Equiv.	55-62 HRC	Mạ Crom cứng HCr Hard Chrome Plating
CTMWP	S45C		
STMWP	SUS304		

Loại Type	Đường kính Diameter				H (Gia số 1mm) (1mm Increment)	B,C	S,T	d,e	M,N	K	Q	P
	Dung sai Tolerance D	g6		h7								
		SUJ2	S45C	SUS304								
TMWP CTMWP STMWP	10	○	○	○	25-800	$2 \leq B \leq d \times 4$ $2 \leq C \leq e \times 4$	$M+3 \leq S \leq M \times 3$ $M+3 \leq T \leq N \times 3$	6 – 8	3 – 6	$K \leq (H-P)$	8	10
	12	○	○	○	25-1000			6 – 10	4 – 8		10	12
	13		○					6 – 11			11	
	15			○				6 – 13	4 – 10		13	
	16	○	○					6 – 14			14	
	20	○	○	○	25-1500			8 – 17	4 – 12		17	20
	25	○	○	○				8 – 22	4 – 16		22	
	30	○	○					9 – 27	4 – 20		27	20

Các kích thước không đề cập dung sai vui lòng tra dung sai tiêu chuẩn ở bảng 2 trang 1.

The dimensions not mentioned the tolerances please refer to the standard tolerance in table 2 page 1.



GIAO HÀNG NHANH CHÓNG
DELIVERY AS SOON AS POSSIBLE



DUNG SAI TÙY CHỈNH
REQUIRED TOLERANCE

Kích thước tùy chỉnh H Customized length H	Dung sai yêu cầu	Dung sai Tolerance	Áp dụng cho H Apply to H
	A	± 0.03	$H \leq 600$
	B	± 0.05	$H \leq 800$
	C	± 0.1	$H \leq 1000$

※ Có thể yêu cầu dung sai cho kích thước này. (You may specify the tolerance based on this dimension)